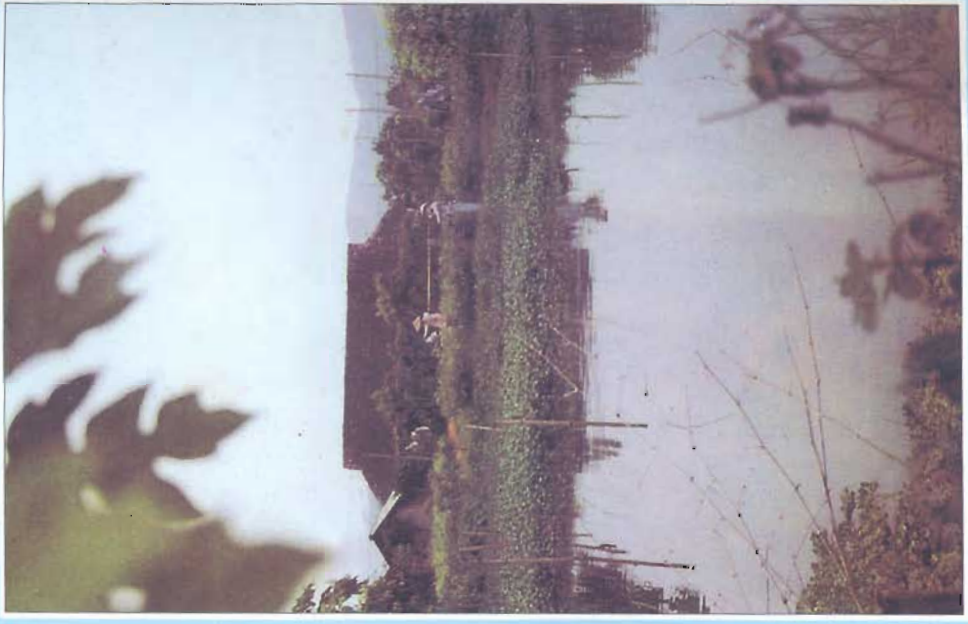


KỸ THUẬT NUÔI CÁ AO



TÀI LIỆU KHUYẾN NGƯ

- Vệ sinh phòng bệnh cho cá: Bón thêm với bột vào ao với lượng 0,5 - 0,8kg cho 100 m² ao/tháng.
- Cho cá ăn đầy đủ.
- Trị bệnh: Sớm, đúng và triệt để.



7. Thu hoạch

- Đánh tỉa thả bù: Sau 5 - 6 tháng nuôi có thể đánh tỉa cá lớn, thả bù cá giống.
- Cuối năm tháo ao, thu hoạch.

Giấy phép XB số 17/VHTT, do Sở VH-TT Hòa Bình cấp ngày 2/6/99. In 5000 tờ tại Xưởng In NXBNN. In xong và nộp lưu chiểu tháng 7/1999.

- Thức ăn xanh (cỏ, lá sắn, rong, bèo...) cho ăn hàng ngày, lượng cho ăn bằng 30 - 35% trọng lượng cá thả cố trong ao.
- Thức ăn tinh: Mỗi tuần cho ăn bằng 5 - 10% trọng lượng cá thả trong ao (chia thành nhiều lần).

5. Quản lý chăm sóc

- Theo dõi chặt chẽ ao nuôi về lượng nước và mầu nước trong ao, lượng thức ăn dư thừa, trạng thái sinh hoạt của cá để có cách xử lý thích hợp. Cấp thêm nước hoặc ngưng cho ăn khi thấy cá nổi đầu nhiều vào buổi sáng.
- Hàng ngày kiểm tra bờ, đê, cống không để nước rò rỉ, cá vượt đê.

6. Phòng trị bệnh

- Nuôi cá lấy phòng bệnh là chính. Cá thường mắc các loại bệnh:
- Bệnh đốm đỏ gây lở loét trên thân;
- Bệnh trùng bánh xe ký sinh ở mang cá;
- Bệnh viêm ruột, chủ yếu ở cá trắm cỏ;
- Bệnh trùng mỏ neo.
- Phòng bệnh:
- Giữ môi trường nước luôn trong sạch;
- Cả giống không xây sát, không mang nguồn bệnh. Trước khi thả cá tắm bằng nước muối 3% trong 5 - 10 phút. Không lấy nước ở ao cá bệnh...

KỸ THUẬT NUÔI CÁ AO

ĐẶC TÍNH CỦA MỘT SỐ LOÀI CÁ NUÔI

Cá mè trắng

Sống ở tầng nước trên, ăn phù du thực vật. Cá ăn liên tục ngày đêm. Không tranh môi với các loài cá khác. Cá mau lớn và lớn đều: 1 tuổi đạt 0,5 - 0,7kg, ở hồ lớn đạt trên 1 kg/con.

Cá rô phi

Sống tầng giữa và tầng đáy. Cá ăn tạp, chủ yếu là thức ăn thực vật, mùn bã hữu cơ nên rất dễ nuôi. Môi trường sống rộng. Cá lớn nhanh (đực lớn hơn cái), 1 tuổi đạt 0,2 - 0,5 kg/con.

Cá chép

Sống tầng đáy, ăn tạp (cả động vật và thực vật). Thức ăn của cá thường là giun, trai, cỏ, bèo và các loại tảo.

Cá thường tranh môi nên lớn không đều: Một năm tuổi đạt 0,3 - 0,5 kg/con.

KỸ THUẬT NUÔI

1. Điều kiện nuôi ao

- Nguồn nước trong sạch không bị ô nhiễm, chủ động tưới tiêu, ao không bị cớm rợp.
- Độ pH = 7 - 8.

- Diện tích: Ao nước tĩnh 100 - 1000m², ao nước chảy 50 - 500m².
- Độ sâu: Ao nước tĩnh 1,0 - 1,5 m. ao nước chảy 0,8 - 0,25 m.

2. Chuẩn bị ao thả cá

- Tháo cạn ao, vét bùn, dọn cỏ, đắp bờ, sửa đê, cống.
- Tẩy dọn ao: Bón vôi diệt cá tạp, mầm bệnh và tăng độ pH. Lượng vôi bón từ 7 - 10 kg/100 m² ao (rải đều mặt ao).
- Bón lót (để tạo thức ăn ban đầu).
Lượng bón:
 - Phân hữu cơ: 10 -15 kg/100 m² ao (rải đều)
 - Phân xanh: 10 - 12 kg/100 m² ao (bó thành bó nhỏ chìm xuống ao).
 - Phân vô cơ (N/P = 2/1): 0,3 - 0,4 kg/100 m² ao (hòa nước té đều khắp ao).

3. Thả cá giống

Thời vụ thả cá (có 2 vụ chính):

Vụ xuân tháng 2 - 3, vụ thu tháng 9 - 10.

- Tiêu chuẩn cá giống thả: Khỏe mạnh, không xây sát, không bệnh tật.
- Cỡ cá thả: Cá mè 8 -10cm; Cá trắm cỏ 10 - 12cm; Cá trôi Ấn 8 - 10cm; Mrygan 6 - 8cm. Cá chép 6 - 8cm; Cá rô phi 20 - 25 gam/con.
- Mật độ: Tùy điều kiện từng ao và từng gia đình. Mật độ thích hợp là:
 - Ao nước tĩnh: 1 - 1,5 con/m²

- Ao nước chảy: 3 - 4 con/m².
- Tỷ lệ ghép

Loại cá	Tỷ lệ ghép theo loại cá chính (%)			
	Mè	Trôi Ấn	Trắm cỏ	Rô phi vằn
Mè	50	20	5	20
Trắm cỏ	15	10	60	5
Trôi ấn	20	45	20	7
Mrygan	10	20	10	8
Chép	5	5	5	10
Rô phi vằn	-	-	-	50
Tổng số	100	100	100	100

4. Thức ăn, phân bón

- Ao nuôi cá mè, trôi Ấn, rô phi vằn là chính:
 - Thức ăn tinh (cám gạo, bột sắn...) cho ăn hàng ngày. Lượng cho ăn 5 - 8% trọng lượng cá trong ao.
- Phân bón (phân xanh, phân chuồng, phân vô cơ): bón 1 tuần 1 - 2 lần. Lượng bón cho 100 m² ao: phân chuồng 10 - 12 kg + phân xanh 10 - 15 kg + phân vô cơ (tùy thuộc màu nước để bổ sung).
- Ao nuôi cá trôi Ấn là chính có thể sử dụng các loại thức ăn chăn nuôi công nghiệp hoặc phân gà công nghiệp.
- Lượng cỏ nuôi cá trắm cỏ bằng 20 - 30% trọng lượng cá trắm cỏ trong ao.
- Ao nuôi cá trắm cỏ là chính: